Chi tiết mã HS 0302.99.00

Mã HS	0302.99.00
Mô tả hàng hóa	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Gan, sẹ và bọc trứng cá, vây, đầu, đuôi, bong bóng và các phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác của cá: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 14:01:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03029900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K360
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N360
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q360
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ360
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E353
ATIGA	2022	2022	0	AT!E354
ATIGA	2023	2023	0	AT!F354
ATIGA	2024	2024	0	AT!G354
ATIGA	2025	2025	0	AT!H354
ATIGA	2026	2026	0	AT!I354
ATIGA	2027	2027	0	AT!J354
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E356
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F356
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G356

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H356
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I356
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J356
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E354
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F354
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G354
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H354
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I354
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J354
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F354
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H353
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F356
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G356
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H356
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I356
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J356
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K356
VKFTA	2022	2022	0	VK!E354
VKFTA	2023	2023	0	VK!F354
VKFTA	2024	2024	0	VK!G354
VKFTA	2025	2025	0	VK!H354
VKFTA	2026	2026	0	VK!I354
VKFTA	2027	2027	0	VK!J354
VCFTA	2022	2022	4	VC!D355
VCFTA	2023	2023	2	VC!E355
VCFTA	2024	2024	0	VC!F355

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G355
VCFTA	2026	2026	0	VC!H355
VCFTA	2027	2027	0	VC!I355
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D356
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E356
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F356
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G356
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H356
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I356
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D28
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E28
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D355
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E355
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F355
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G355
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H355
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I355
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D353
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E353
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F353
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G353
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H353
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I353
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D355
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E355
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F355

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G355
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H355
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I355
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D355
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E355
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F355
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G355
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H355
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I355
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J355
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D354
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E354
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F354
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G354
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H354
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I354
RCEP B	2022	2022	0	B!D354
RCEP B	2023	2023	0	B!E354
RCEP B	2024	2024	0	B!F354
RCEP B	2025	2025	0	B!G354
RCEP B	2026	2026	0	B!H354
RCEP B	2027	2027	0	B!I354
RCEP C	2022	2022	0	C!D354
RCEP C	2023	2023	0	C!E354
RCEP C	2024	2024	0	C!F354
RCEP C	2025	2025	0	C!G354

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	0	C!H354
RCEP C	2027	2027	0	C!I354
RCEP D	2022	2022	0	D!D354
RCEP D	2023	2023	0	D!E354
RCEP D	2024	2024	0	D!F354
RCEP D	2025	2025	0	D!G354
RCEP D	2026	2026	0	D!H354
RCEP D	2027	2027	0	D!I354
RCEP E	2022	2022	0	E!D354
RCEP E	2023	2023	0	E!E354
RCEP E	2024	2024	0	E!F354
RCEP E	2025	2025	0	E!G354
RCEP E	2026	2026	0	E!H354
RCEP E	2027	2027	0	E!I354
RCEP F	2022	2022	0	F!D354
RCEP F	2023	2023	0	F!E354
RCEP F	2024	2024	0	F!F354
RCEP F	2025	2025	0	F!G354
RCEP F	2026	2026	0	F!H354
RCEP F	2027	2027	0	F!I354
VIFTA	2024	2024	*	VI!F337
VIFTA	2025	2025	*	VI!G337
VIFTA	2026	2026	*	VI!H337
VIFTA	2027	2027	*	VI!I337

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0302.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0302.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N360), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.